

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2434/QĐ-UB ngày 28/7/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Cẩm Thủy từ 130 giường bệnh lên 260 giường bệnh tại thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy của Bệnh viện Đa khoa huyện Cẩm Thủy;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 37/BVCT ngày 19/01/2024 của Bệnh viện Đa khoa huyện Cẩm Thủy;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 932/TTr-STNMT ngày 30 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Đa khoa huyện Cẩm Thủy tại thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Bệnh viện Đa khoa huyện Cẩm Thủy tại thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa”, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Đa khoa huyện Cẩm Thủy.

1.2. Địa điểm hoạt động: thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 697/SYT-GPHĐ ngày 07/02/2020 do Giám đốc Sở Y tế Thanh Hóa cấp.

1.4. Loại hình sản xuất kinh doanh: Hoạt động khám chữa bệnh chăm sóc sức khỏe cho người dân.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án đầu tư nhóm II, đã được phê duyệt đề án bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích: Tổng diện tích sử dụng đất 18.140,0 m².

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất hoạt động: 260 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải sau xử lý ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Đa khoa huyện Cẩm Thủy:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Đa khoa huyện Cẩm Thủy có trách nhiệm:

2.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường sau khi được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức

năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày 05 tháng 6 năm 2024 đến ngày 05 tháng 6 năm 2034).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Cẩm Thủy và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của bệnh viện được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Bệnh viện Đa khoa huyện Cẩm Thủy;
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Cẩm Thủy (để theo dõi);
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Nhà khám bệnh.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt và nước thải y tế phát sinh từ Khoa hồi sức cấp cứu + Khoa sản.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt và nước thải y tế phát sinh từ Khoa Nội.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt và nước thải giặt giũ phát sinh từ Nhà khoa chống nhiễm khuẩn.
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt và nước thải y tế phát sinh từ Nhà khoa lây.
- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt và nước thải y tế phát sinh từ Nhà Khoa Đông y.
- Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt và nước thải y tế phát sinh từ Nhà Nội D.
- Nguồn số 08: Nước thải sinh hoạt và nước thải y tế phát sinh từ Khu bệnh nhân trại 5.
- Nguồn số 09: Nước thải nấu ăn phát sinh từ Nhà ăn.
- Nguồn số 10: Nước thải nấu ăn phát sinh từ Nhà ăn cán bộ.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

Cơ sở có 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải ra môi trường.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện → Ống nhựa UPVC D250 → Hệ thống thoát nước chung khu vực phía Tây Nam dự án → sông Mã đoạn chảy qua thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy.

2.2. Vị trí xả nước thải:

Tọa độ vị trí cửa xả nước thải: Hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0 , như sau: $X = 2234847$ (m); $Y = 548467$ (m).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất đề nghị cấp phép: 97,0 m³/ngày.đêm.

2.3. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.4. Chất lượng nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm các chỉ tiêu đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, hệ số k = 1,2, cụ thể:

T T	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	QCVN 28:2010 / BTNMT (Cột B, k=1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 – 8,5	Không thuộc trường hợp phải quan trắc môi trường nước thải	Không thuộc đối tượng phải lắp đặt
2	Hàm lượng BOD ₅	mg/l	60		
3	Hàm lượng COD	mg/l	120		
4	TSS	mg/l	120		
5	Hàm lượng S ²⁻	mg/l	4,8		
6	Hàm lượng N/NH ₄ ⁺	mg/l	12		
7	Hàm lượng P/PO ₄ ³⁻	mg/l	60		
8	Hàm lượng N/NO ₃ ⁻	mg/l	12		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
10	Coliform	MPN /100ml	5.000		
11	Samonella	Vi khuẩn /100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn /100ml	KPH		
13	Vibrochorella	Vi khuẩn /100ml	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn nước thải đưa về hệ thống xử lý.

- Nguồn số 01 – Nước thải từ Nhà khám bệnh gồm: Nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Bể tự hoại 3 ngăn cùng nước thải tắm, rửa → Đường ống PVC D75 dài 4,0m vào đường ống PVC D110 dài 9,5m.

- Nguồn số 02 – Nước thải từ Khoa hồi sức cấp cứu + Khoa sản: Nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Bể tự hoại 3 ngăn cùng nước thải tắm, rửa và nước thải Y tế → Đường ống PVC D75 dài 4,0m vào đường ống PVC D110 dài 7,0m;

- Nguồn số 03 – Nước thải từ Khoa Nội: Nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Bể tự hoại 3 ngăn cùng nước thải tắm, rửa và nước thải Y tế → Đường ống PVC D75 dài 11,5m vào đường ống PVC D110 dài 72,5 m;

- Nguồn số 04 – Nước thải từ Nhà khoa chống nhiễm khuẩn: Nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Bể tự hoại 3 ngăn cùng nước thải tắm, rửa, giặt giũ → Đường ống PVC D75 dài 5,0m vào đường ống PVC D110 dài 18,0m;

- Nguồn số 05 – Nước thải từ Nhà khoa lây: Nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Bể tự hoại 3 ngăn cùng nước thải tắm, rửa và nước thải Y tế → Đường ống PVC D75 dài 7,0m vào đường ống PVC D110 dài 10m;

- Nguồn số 06 – Nước thải từ Nhà Khoa Đông y: Nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Bể tự hoại 3 ngăn cùng nước thải tắm, rửa và nước thải Y tế → Đường ống PVC D75 dài 8,0m vào đường ống PVC D110 dài 15,0m;

- Nguồn số 07 – Nước thải từ Nhà Nội D: Nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Bể tự hoại 3 ngăn cùng nước thải tắm, rửa và nước thải Y tế → Đường ống PVC D75 dài 4,0m vào đường ống PVC D110 dài 15,0m;

- Nguồn số 08 – Nước thải từ Khu bệnh nhân trại 5: Nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Bể tự hoại 3 ngăn cùng nước thải tắm, rửa và nước thải Y tế → Đường ống PVC D75 dài 4,0m vào đường ống PVC D110 dài 7,0m;

- Nguồn số 09 – Nước thải từ khu Nhà ăn → Đường ống thoát nước bằng nhựa PVC D110 dài 16,0m;

- Nguồn số 10 – Nước thải Nhà ăn cán bộ → Đường ống thoát nước bằng nhựa PVC D110 dài 15,0m.

Các nguồn từ 01 đến 10 sau khi qua các công trình sơ bộ vào các đường ống thoát nước nhánh → Đường ống thoát nước chính D250 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ

Bể tự hoại: 10 bể, tổng thể tích: 198 m³.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bể tách cát và tách dầu mỡ → Bể gom → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể MBBR → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng.

- Công suất thiết kế: 150m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Clorine (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc tự động đối với nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương rãnh thu gom nước thải; hố ga; bể tự hoại; bể lắng của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tần suất nạo vét:

+ Mương rãnh, hố ga: 03 tháng/lần.

+ Hút bùn cặn trong các bể xử lý: Bể tự hoại, bể thu gom; bể lắng, bể chứa bùn (1 lần/năm).

- Thường xuyên kiểm tra các đường ống thu gom nước thải để phát hiện ra tình trạng hư hỏng, rò rỉ hoặc tắc nghẽn và kịp thời sửa chữa, thay thế.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện. Cụ thể:

+ Tại hố ga, bể lắng: Hàng ngày kiểm tra các song chắn rác để tránh tình trạng rác bám vào song chắn rác quá nhiều gây tắc nghẽn việc dẫn nước vào hệ thống.

+ Bể khử trùng: Thường xuyên kiểm tra các thiết bị pha chế hóa chất, máy khuấy, hóa chất để đảm bảo các thiết bị khử trùng vẫn hoạt động tốt.

+ Định kỳ kiểm tra đường ống, van khóa như: độ kín, hở của van khóa, khả năng đóng mở của van khóa; hiện tượng rò rỉ đường ống,...

- Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hư hỏng thiết bị: Trang bị các thiết bị dự phòng có nguy cơ hư hỏng cao như: máy bơm, phao, van, cánh khuấy,... để sẵn sàng thay thế các thiết bị trong trường hợp hư hỏng. Thực hiện lưu giữ nước thải tại hồ sự cố có thể tích 200m^3 , nhanh chóng khắc phục thay thế, sửa chữa các thiết bị hư hỏng. Sau khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động trở lại, bơm quay vòng nước thải để xử lý đạt yêu cầu chỉ tiêu nước thải đầu ra của QCVN 28:2010/BTNMT (cột B, k=1,2) mới thải ra môi trường tiếp nhận.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định khoản 3, điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến 03 tháng, kể từ ngày giấy phép môi trường có hiệu lực; thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại khoản 6, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện.

2.3.1. Vị trí lấy mẫu:

+ NT1: Nước thải tại Bể tách cát và tách dầu mỡ của hệ thống xử lý nước thải tập trung;

+ NT2: Nước thải tại bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.3.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.4. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Thực hiện quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Bệnh viện theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.2 Phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải đảm bảo không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Lắp đặt đầy đủ biển báo, ký hiệu chỉ dẫn đối với điểm xả thải nước thải sau hệ thống xử lý ra môi trường; lắp đặt công tơ điện, đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ; lượng hóa chất sử dụng...). Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Bệnh viện Đa khoa huyện Cẩm Thủy có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

3.5. Bệnh viện chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

3.6. Trường hợp gây sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình vận hành, Bệnh viện phải dừng ngay hoạt động xả thải và báo cáo kịp thời đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Cẩm Thủy để được hướng dẫn, giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật./.

PHỤ LỤC 2
BẢO ĐẢM CÁC GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải (Hệ thống xử lý nước thải tập trung)

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Máy phát điện dự phòng. Tọa độ vị trí phát sinh như sau: X = 2234873 (m); Y = 548497 (m).
- Máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải (Hệ thống xử lý nước thải tập trung). Tọa độ vị trí phát sinh như sau: X = 2234894 (m); Y = 548406 (m).
- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khuôn viên bệnh viện tại thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bệnh viện quy định giờ vào thăm bệnh nhân (cụ thể: Sáng từ 5h - 7h; trưa từ 11h30 - 13h00, chiều từ 17h đến 21h30).

- Quy định các phương tiện ra vào bệnh viện tắt máy khi vào cổng và cấm bóp còi trong khu vực bệnh viện.

- Có các bảng nội quy yêu cầu y bác sỹ, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và khách đến thăm đi nhẹ, nói khẽ.

- Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị để đảm bảo thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt, tránh gây tiếng ồn.

- Trong khuôn viên của bệnh viện được trồng cây xanh, bồn hoa, cây cảnh không những tăng tính thẩm mỹ cho khu vực bệnh viện, tạo cảm giác dịu êm mà còn có tác dụng rất lớn trong việc hút bụi, lọc không khí, giảm và ngăn chặn tiếng ồn, giảm bức xạ nhiệt.

- Đối với tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng:

+ Máy phát điện dự phòng được lắp đặt cách xa khu vực khám chữa bệnh của bệnh viện và được đặt trong phòng kín.

+ Đế máy phát điện dự phòng được lắp đặt đệm lót bằng cao su để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

+ Định kỳ bảo dưỡng máy phát điện theo quy định.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh tại bệnh viện:

1.1. Khối lượng, danh mục, mã chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	08 02 04	05
2	Chất thải lây nhiễm	13 01 01	12.967,5
3	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	13 01 03	10
4	Dược phẩm không có thành phần gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	13 01 07	10
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	05
6	Pin, ắc quy thải	16 01 12	05
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	10
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	15
Tổng khối lượng			13.027,5

1.2. Khối lượng, danh mục chất thải rắn thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải rắn không tái chế	83.585
2	Chất thải rắn tái chế	20.805
3	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải (sau khi đã xác định không có thành phần nguy hại)	15.930
	Tổng	120.320

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích 240 lít.
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

- Xây dựng 01 kho lưu chứa chất thải có diện tích 15,0 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa được đổ bê tông và láng nền vữa xi măng chống thấm, tường tôn, mái lợp tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng.
- Khu lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kì chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

- Chất thải thông thường không tái chế được thu gom vào các thùng chứa dung tích 20 lít, 120 lít và 240 lít và 06 xe đẩy tay dung tích 0,5m³/xe
- Chất thải thông thường tái chế được thu gom vào các thùng chứa dung tích 20 lít, 120 lít và 240 lít.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Xây dựng 02 khu riêng biệt lưu chứa chất thải không tái chế và chất thải tái chế có diện tích 12,0 m²/kho. Thiết kế, cấu tạo: Khu lưu chứa được đổ bê tông và láng nền vữa xi măng chống thấm, tường tôn, mái lợp tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng quy trình phòng ngừa ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý chất thải nguy hại của bệnh viện;

2. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

PHỤ LỤC 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải y tế và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2020 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế Quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế. Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh về ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và hướng dẫn kỹ thuật của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Chỉ được chuyển giao chất thải rắn nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường đảm bảo quy định, không gây ô nhiễm môi trường

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do bụi, khí thải, cụ thể như sau:

- Giảm thiểu ô nhiễm khí thải tại các khoa, phòng bệnh: Để giảm thiểu tác động do khí thải phát sinh tại các khoa, bệnh viện đã lắp đặt hệ thống các chụp hút, tủ hút, máy hút âm,... tại các khoa kết hợp với các biện pháp thông gió tự nhiên và thông gió cưỡng bức (như: phòng ốc được bố trí máy điều hòa, quạt gió làm mát).

- Tại các khu nhà vệ sinh: đảm bảo hoạt động tốt các quạt hút đã lắp đặt để hút mùi nhà vệ sinh.

- Giảm thiểu bụi, khí thải cho toàn bệnh viện: Đảm bảo tỷ lệ cây xanh để điều hòa vi khí hậu cho bệnh viện.

- Đối với máy phát điện dự phòng: Đảm bảo bố trí máy phát điện cách xa các tòa nhà khám chữa bệnh, sử dụng nhiên liệu sạch đạt tiêu chuẩn.

- Kiểm soát hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

4. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

7. Thực hiện quản lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

9. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường./.